TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NĐ** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2020
V/v ly hôn giữa chị TL và anh VN

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Minh Tân;

2. Ông Nguyễn Văn Quỹ.

- Thư ký phiên toà: Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 16-01-2020 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-02-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 -03-2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần TL - sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 1/203 đường PĐP, phường PĐP, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Trịnh VN - sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 1/203 đường PĐP, phường PĐP, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định.

(Chị Trần TL có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trịnh VN vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12-01-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần TL trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh VN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03-12-1994 tại Ủy ban nhân dân phường NQ, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống, chị và anh VN thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Hơn nữa, anh VN có biểu hiện quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mặc dù chị đã tha thứ, khuyên nhủ chồng nhưng anh VN vẫn không thay đổi khiến tình cảm vợ chồng sứt mẻ. Từ tháng 6-2018 đến nay, vợ chồng chị sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trịnh VN.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Trịnh Hương G, sinh ngày 27-11-1997 và Trịnh Hương T, sinh ngày 20-12-2002. Cháu G đã trên 18 tuổi, tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu T thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị và anh VN tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị TL không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trịnh VN đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án trình bày lời khai, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Theo biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 21-02-2020 của Tòa án nhân dân thành phố NĐ tại nơi vợ chồng chị TL và anh VN sinh sống, chính quyền địa phương cung cấp: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị TL và anh VN có xảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2020, chị TL có trình bày với đại diện tổ dân phố. Đại diện tổ dân phố cũng đã gặp gỡ và khuyên giải vợ chồng anh chị. Chị TL và anh VN có 02 (hai) con chung là Trịnh Hương G, sinh ngày 27-11-1997 và Trịnh Hương T, sinh ngày 20-12-2002. Nay chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11-02-2020 của Tòa án nhân dân thành phố NĐ đối với cháu Trịnh Hương T là con đẻ của chị Trần TL và anh Trịnh VN. Cháu Trịnh Hương T có nguyện vọng xin ở với chị Trần TL sau khi bố mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Trần TL có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung như bản tự khai; anh Trịnh VN vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần TL và anh Trịnh VN;

+ Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử ly hôn giữa chị Trần TL và anh Trịnh VN;

+ Giao chị Trần TL trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trịnh Hương T, sinh ngày 20-12-2002.

+ Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần TL tự thỏa thuận với anh Trịnh VN về cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần TL có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trịnh VN đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị TL và anh VN.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần TL và anh Trịnh VN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03-12-1994 tại Ủy ban nhân dân phường NQ, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị Trần TL và anh Trịnh VN chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Bản thân anh VN lại có biểu hiện quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng coi thường nhau và mất niềm tin ở nhau. Từ tháng 6-2018 đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị TL vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn. Đối với anh VN, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Điều đó thể hiện anh VN không tôn trọng pháp luật và không có thiện chí hòa giải. Do vậy, xét mâu thuẫn giữa chị TL và anh VN đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị TL là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Trần TL và anh Trịnh VN có 02 (hai) con chung là

Trịnh Hương G, sinh ngày 27-11-1997 và Trịnh Hương T, sinh ngày 20-12-2002 . Cháu G đã trên 18 tuổi, tự lập nên chị TL không yêu cầu giải quyết. Còn cháu T thì chị TL có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét nguyện vọng nuôi con của chị TL là chính đáng, bản thân anh VN không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm trình bày về con chung. Do vậy để ổn định và bảo đảm cuộc sống, quyền lợi của con chung sau khi bố mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho chị TL trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Hương T, sinh ngày 20-12-2002. Về cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận sự tự nguyện của chị TL sẽ tự thỏa thuận với anh VN về cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Trần TL không yêu cầu Tòa án giải quyết còn anh Trịnh VN không có quan điểm trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, nếu có tranh chấp thì sẽ được thụ lý và giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Trần TL phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Trần TL và anh Trịnh VN.

2. Về con chung: Giao chị Trần TL trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trịnh Hương T, sinh ngày 20-12-2002.

Chị Trần TL tự thỏa thuận với anh Trịnh VN về cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần TL và anh Trịnh VN vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Trần TL phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0002734 ngày 16-01-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NĐ.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần TL và anh Trịnh VN có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bán án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Cảnh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. NĐ;
- Chi cục THADS TP. NĐ;
- TAND tỉnh Nam Định;
- UBND phường NQ, TP NĐ, tỉnh Nam Định;
- UBND phường PĐP, TP NĐ, tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Cảnh

.